

**SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HÀM YÊN**

Số: 319 /TM-TTYT
V/v mời chào giá thiết bị y tế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hàm Yên, ngày 5 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp mua sắm thiết bị y tế năm 2025 để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên với danh mục thiết bị y tế cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang.

- Địa chỉ: số 952 tổ dân phố Tân Bình thị trấn Tân Yên huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Dương Văn Trọng, Nhân viên khoa Dược-Trang thiết bị- Vật tư y tế, SĐT: 0914778480, Email: duongminhtrong@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược-Trang thiết bị- Vật tư y tế - Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

4. Thành phần hồ sơ:

4.1 Bản cứng: gửi qua đường văn thư hoặc gửi trực tiếp tại đơn vị

4.2 Bane mềm bao gồm

+ File Scan của bản cứng

+ File Exel hoặc Docx, Doc của bản cứng (Phục vụ tổng hợp dữ liệu)

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày, kể từ ngày đăng tải hồ sơ lên cổng thông tin (từ ngày 05/05/2025 đến 17 giờ ngày 15/05/2025).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ban hành báo giá.

Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên với nội dung cụ thể như sau:

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Số lượng	Đơn vị tính
1	Ghế máy răng nha khoa	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế	1	Cái
2	Máy xét nghiệm HbA1c tự động		1	Máy
3	Máy đo chức năng hô hấp		1	Máy
4	Máy theo dõi bệnh nhân		3	Máy
5	Máy laser CO2		1	Máy

2. Địa điểm cung cấp tại Trung tâm y tế huyện Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Các thông tin khác:

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến, Hợp đồng tương tự và các thông tin liên quan khác).

Lưu ý:

1. Nhà cung cấp, hãng sản xuất có thể chào giá một hoặc nhiều mặt hàng.

2. Trung tâm y tế xem xét không tổng hợp báo giá trong các trường hợp sau:

- Không có đủ thành phần hồ sơ (Bản cứng + bản mềm) hoặc báo giá được ký

bởi người không có thẩm quyền;

- Không cung cấp tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật;

- Không có thông tin rõ ràng như địa chỉ, số điện thoại.

Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Mạng đấu thầu quốc gia để đăng tải
- Phòng KHNV để đăng Website Trung tâm y tế
- Lưu VT-TTYT



Phùng Duy Bảo

PHỤ LỤC 01
CÁC YÊU CẦU CHUNG VỀ LẬP BÁO GIÁ
(Kèm theo công văn số 519/TM-TTYYT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm y tế huyện Hàm Yên)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của báo giá
1	Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hoá do Công ty chào so với yêu cầu của Trung tâm y tế như Mẫu tại Mẫu số 01	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không đầy đủ thông tin	Không đáp ứng

- Trung tâm y tế đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dự trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - **do công ty tự kê khai** - tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Trung tâm y tế sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong **Phụ lục 02** là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Trường hợp hàng hóa công ty chào không đáp ứng đầy đủ các thông số yêu cầu. Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng nhiều đến tính năng, công dụng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường những vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.

- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả thầu **gần nhất** trong 12 tháng (nếu có) của (các) trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Trung tâm y tế.

Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.

- Với thiết bị có phụ kiện, linh kiện, dịch vụ kỹ thuật cần thiết để hoàn thành lắp đặt dựa vào sử dụng nhưng trong yêu cầu kỹ thuật chưa có, công ty có thể chào thêm ở phần tùy chọn, số lượng cụ thể.

. Với thiết bị có phụ kiện, linh kiện (tiêu hao hoặc định kỳ thay thế); gói dịch vụ kỹ thuật để duy trì hoạt động thường xuyên trong thời gian khấu hao máy theo quy định. Công ty chào Trung tâm y tế tham khảo.

Mẫu số 01. Bảng đáp ứng kỹ thuật
(Kèm theo công văn số 319/TM-TTYYT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm y tế huyện Hàm Yên)



BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 02)	Thông số kỹ thuật chào giá		Tham chiếu
.....	Đáp ứng/ Không đáp ứng	-Nếu đáp ứng: Nếu chính xác thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hóa -Nếu không đáp ứng: Nếu rõ thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hoá trong kèm theo thuyết minh/lý giải -Trường hợp có công nghệ/giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể. Thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh.	Nhà thầu tham chiếu, chứng minh tính năng đáp ứng tại catalog (Ghi rõ trang hoặc đoạn mô tả)

Mẫu số: 02

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi:Ghi rõ tên chủ đầu tư yêu cầu báo giá

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của. [ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá] chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

TT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã nhân hiệu, Model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VNĐ)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VNĐ)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Hàm Yên, ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú (12).

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

(13) Đơn vị điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 12 tháng (nếu có) của trang thiết bị tương tự chào cho Bệnh viện

(14) Đơn vị điền các loại văn bản; sổ văn bản, ngày văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của các cơ sở y tế ban hành văn bản.

PHỤ LỤC 02

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế
(Kèm theo công văn số 19/TM-TTYT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Trung tâm y tế huyện Hàm Yên)

I. GHẾ MÁY RĂNG NHA KHOA

I. Yêu cầu chung

Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2025 trở về sau

Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương

Thiết bị chính đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương

Nguồn điện sử dụng: 220V/380V - 50 Hz

Yêu cầu xuất xứ máy chính: Các nước ASEAN

Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Có tài liệu thuyết minh kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị bằng tiếng Anh và tiếng Việt

Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của hãng sản xuất thiết bị; đảm bảo môi trường hoạt động của thiết bị.

II. Thông số kỹ thuật

Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương

Tình trạng: Mới 100%

Điện thế: 100/220/230/240VAC.

Tần số: 50/60Hz.

Năm sản xuất: 2025 trở về sau

Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa: 40°C, độ ẩm tối đa 75%6. Thiết bị thuộc Nhóm 6 theo quy định về phân nhóm trang thiết bị y tế tại thông tư 14/2020/TT-BYT

III. Cấu hình máy

1/ Cấu hình bao gồm:

- Ghế máy bệnh nhân : 01 chiếc
- + Ghế bệnh nhân: 01 chiếc
- + Bàn đạp điều khiển : 01 chiếc
- + Tựa đầu hai khớp : 01 chiếc
- + Tựa tay bên trái : 01 chiếc
- Hệ thống phân phối hơi nước trên tay nắm dụng cụ
- + Bàn phím điều khiển cho toàn bộ hệ thống : 01
- + Tay xịt hơi nước đa tác dụng : 01 cái
- + Dây và chuỗi tay khoan chậm: 01 bộ
- + Dây và chuỗi tay khoan nhanh: 02 bộ
- Hệ thống bồn nhỏ và cung cấp nước sạch
- + Bàn phím điều khiển cho trợ thủ : 01
- + Hệ thống hút nước bọt và hút phẫu thuật : 01 bộ
- + Tay xịt hơi nước đa tác dụng : 01 cái
- + Hệ thống bồn nhỏ: 01
- Hệ thống đèn soi miệng bệnh nhân cảm ứng
- + Hệ thống đèn khám: 01 bộ
- Hệ thống tay khoan
- + 02 tay khoan nhanh
- + 01 tay khoan chậm- Ghế bác sỹ: 01 cái
- Máy nén khí nha khoa: 01 máy

III. Đặc tính kỹ thuật và thông số

2.1. Hệ thống ghế máy bệnh nhân –

Chiều cao nâng hạ ghế trong khoảng từ 400mm - 800mm

- Góc tựa lưng khoảng $\geq 70 \pm 2^\circ$
- Tựa đầu có thể điều chỉnh vị trí cho người lớn và trẻ em
- Hộp kết nối có công tắc điện, nước và khí.

Có thể điều chỉnh theo dòng điện sử dụng

- Pedal điều khiển tất cả các chức năng của ghế:

- Nâng hạ ghế và ngả tựa lưng
- Tắt mở nước cho tay khoan
- Tắt mở đèn
- Có thể ngừng khẩn cấp bằng pedal

2.2 Hệ thống mâm tay khoan

- Mâm tay khoan có năm vị trí gác dụng cụ

- Tay xịt ba chức năng có thể xịt nước, hơi và phun sương.

Đầu xịt có thể tháo rời và hấp tiệt trùng

- Có bảng điều khiển với các công tắc tự động định vị ghế và các công tắc điều khiển các thiết bị
- Có 1 đèn đọc phim X- quang kích thước lớn 2.3.

Hệ thống bồn nhỏ và cung cấp nước sạch:

- Hệ thống bồn nhỏ bằng sứ hợp vệ sinh với cốc lọc nước, bồn nhỏ lớn
- Ly nước súc miệng có cảm biến, ly nước súc miệng có thể được làm bằng bất kỳ loại vật liệu nào như: giấy, kim loại,...

- Có bộ lọc nước thải

- Có nút điều chỉnh mức nước bằng tay

- Có công tắc riêng để đóng mở nước xả bồn nhỏ cũng như nước súc miệng cho bệnh nhân

2.4. Hệ thống đèn nha khoa

- Độ sáng bóng đèn : ≥ 2000 lux

- Hệ thống đèn LED 2.5.

Hệ thống trợ thủ

- Dụng cụ cho trợ thủ bao gồm: hút nước bọt, hút phẫu thuật, tay xịt hơi nước ba chức năng và một bàn phím điều khiển ghế đa chức năng.

- Có bảng điều khiển dành cho trợ thủ điều khiển chuyển động ghế, tắt mở đèn và điều chỉnh độ sáng của đèn, có công tắc cung cấp nước rửa ống nhỏ và nước súc miệng cho bệnh nhân.

2.6. Ghế bác sỹ

- Có 5 bánh xe giúp di chuyển dễ dàng
- Có thể điều chỉnh lên xuống và xoay 3.

Các yêu cầu khác

3.1. Yêu cầu về bảo hành:

- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị.

Trường hợp thời gian bảo hành của hãng > 12 tháng thì áp dụng thời gian bảo hành của hãng

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đồng thời với việc cung cấp hàng hóa; Nhà thầu sẽ cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh hàng hóa cung cấp hợp pháp, đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng như: CO, CQ, (đối với hàng hóa nhập khẩu); chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền (nếu có) đối với hàng hóa sản xuất trong nước.

2. MÁY XÉT NGHIỆM Hba1C

I. YÊU CẦU CHUNG

Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2025 trở về sau

Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương

Thiết bị chính đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương

Nguồn điện sử dụng: 220V/380V - 50 Hz

Yêu cầu xuất xứ máy chính: Nhóm G20

Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Có tài liệu thuyết minh kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị bằng tiếng Anh và tiếng Việt

Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của hãng sản xuất thiết bị; đảm bảo môi trường hoạt động của thiết bị.

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Có ít nhất một chứng nhận lưu hành tự do thuộc các nước G7 cấp

Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương

Tình trạng: Mới 100%

Năm sản xuất: 2025 trở về sau

Điện áp: $\leq 100-240\text{VA}$. Tần số: $\leq 50/60\text{ Hz}$

Nhiệt độ làm việc: $\leq 15 - \geq 30^\circ\text{C}$. Độ ẩm: $\leq 30 - \geq 85\%$

III. CẤU HÌNH CUNG CẤP

- Máy chính: 01 chiếc
- Giấy in nhiệt: 01 cuộn
- Dây nguồn: 01 chiếc
- Cột sắc ký lỏng: 01 chiếc
- Đầu đọc Barcode: 01 cái
- Bộ hoá chất tặng kèm máy: 01 bộ
- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, Việt: 01 bộ
- Tự động hóa hoàn toàn
- + Dung lượng Autoloader ≥ 20 ống
- + Tự động quét mã vạch
- + Lấy mẫu ống sơ cấp có xỏ nắp
- Hệ thống thông minh
- + Hệ thống máy tính mạnh mẽ
- + Bắt đầu thử nghiệm chỉ với một nhấn chuột
- + Cảnh báo mức thuốc thử
- Vận hành thuận tiện
- + Màn hình cảm ứng LCD $\geq 10"$ cung cấp thông tin đầy đủ
- + Tự động rửa để tự bảo trì khi khởi động
- + Dễ dàng thay thuốc thử
- Phương pháp: HPLC (Sắc ký lỏng hiệu năng cao) hoặc tốt hơn
- Chế độ: Chế độ nhanh, Chế độ biến thể (tùy chọn)
- Thông số: HbA1c, HbF, HbA1a, HbA1B, HbA0, HbA2 (tùy chọn)
- Tốc độ xét nghiệm: ≥ 90 giây mỗi lần xét nghiệm
- Bước sóng: $\geq 420\text{nm}$
- Loại mẫu: Máu toàn phần, Máu pha loãng trước
- Công suất nạp tự động: ≥ 20 ống
- Loại thuốc thử: Dung dịch rửa giải A, Dung dịch rửa giải B
- Dung dịch rửa giải C, Ly giải máu, Cột sắc ký
- Độ chính xác: CV $< 2\%$
- Khả năng của cột sắc ký: ≥ 3000 xét nghiệm hoặc ≥ 6000 xét nghiệm (tùy chọn)
- Phạm vi báo cáo: $\leq 3 - \geq 18\%$

IV. YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại đơn vị sử dụng cuối cùng.
- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu khác.
- Bảo hành 12 tháng.
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 8 năm sau bán hàng.

3. MÁY ĐO CHỨC NĂNG HỒ HẤP

I. YÊU CẦU CHUNG

Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2025 trở về sau
 Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
 Thiết bị chính đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương
 Nguồn điện sử dụng: 220V/380V - 50 Hz

Yêu cầu xuất xứ máy chính: Nhóm G7

Có giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

Có tài liệu thuyết minh kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị bằng tiếng Anh và tiếng Việt

Nhà thầu chịu trách nhiệm lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống đồng bộ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của hãng sản xuất thiết bị; đảm bảo môi trường hoạt động của thiết bị.

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Năm sản xuất: 2025 trở về sau

Thiết bị mới 100%, nguyên đai nguyên kiện,

Hàng hóa dự thầu phải đáp ứng phân nhóm theo một trong các nhóm sau: 01; 02; 03; theo quy định tại Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 (kèm file scan tài liệu chứng minh):

Nhà sản xuất đạt một trong các tiêu chuẩn sau: ISO 13485; EC; ISO 9001... hoặc tương đương

Nhà thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương đối với tất cả các loại hàng chào thầu (Nhà thầu cung cấp trong E - HSDT).

Môi trường hoạt động của thiết bị:

+ Nhiệt độ tối đa $\geq 300^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$

Nguồn điện sử dụng 220V/50HZ

III. Yêu cầu cấu hình cung cấp

Máy chính với màn hình và máy in nhiệt gắn trong: 01 chiếc

Đầu sensor lưu lượng: 02 cái

Tay cầm sensor lưu lượng: 01 cái

Kẹp mũi: 02 cái

Xy lanh chuẩn máy 1 lít: 01 cái

Ống ngậm miệng bằng giấy: 100 cái

Dây nguồn: 01 cái

Giấy in nhiệt: 02 cuộn

Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt và tiếng Anh: 01 bộ

Yêu cầu đặc tính, thông số kỹ thuật

Hiển thị: Màn hình tinh thể lỏng màu $\geq 10''$ hoặc tương đương

Phát hiện lưu lượng: Bộ cảm nhận sensor lưu lượng

Giới hạn lưu lượng: từ $\leq \pm 0.05$ đến $\geq \pm 14$ L/S

Phát hiện thể tích: Phân tích lưu lượng

Giới hạn thể tích: từ $\leq \pm 0.01$ đến $\geq \pm 10.0\text{L}$

Độ chính xác thể tích: $\leq \pm 3\%$ hoặc $\leq \pm 0.05L$

Máy in: In nhiệt khổ rộng giấy $\geq 110mm$

Số liệu lưu trong thẻ nhớ: ≥ 1000 bệnh nhân

Có máy in nhiệt gắn trong

Các thông số đo cơ bản

Dung tích sống chậm: ≥ 6 thông số bao gồm SVC, IC, TV, IRV, VC/HT, ERV

Dung tích sống gắng sức: ≥ 45 thông số bao gồm FVC, FEV0.5, FEV1.0, FEV3.0, FEV6.0, FEV0.5%, FEV1/FVC, FEV1/SVC, FEV 3.0%, FEV 6.0%, FVC/HT, FEV1/HT, FEV1/VCpr, MMEF, PEF, FEF25, FEF50, FEF75, FEF90, FEF50/FEF75, PEF/HT, PEF25/HT, FEF50/HT, FEF75/HT, FEF75-85, FEF200-1200, MTC75-50, MTC50-25, MTC25-RV, MTCR, OI, ATI, PEF time, FET, ExtrapV, ExtrapV%, FIVC, FIV0.5, FIV1.0, FIV1/FVC,

Thông khí chủ động tối đa: ≥ 5 thông số bao gồm MVV, TV, RR, MVV/BSA, AVI

Thể tích phút: ≥ 5 thông số bao gồm MV, TV, RR, BR, VR

Có thể nâng cấp đo các thông số mở rộng sau: áp lực đường thở, Trờ kháng thông khí, áp lực đường mũi, NEP, Nồng độ bão hòa trong máu

Giao diện máy tính: Cổng USB hoặc RS-232 hoặc tương đương

Chuẩn an toàn: EN 60601-1, EN60601-1-2 hoặc tương đương

YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại đơn vị sử dụng cuối cùng.
- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu khác.
- Bảo hành 12 tháng.
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 8 năm sau bán hàng.

4. MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN

A. Yêu cầu chung:

Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2025 trở về sau

Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương

Thiết bị chính đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương

Nguồn điện sử dụng: 220V/380V - 50 Hz

Yêu cầu xuất xứ máy chính: Nhóm G7

Năm sản xuất: 2025 trở về sau

Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương

Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT: Nhóm 3 trở lên

B. Cấu hình cung cấp gồm:

Monitor màn hình theo dõi 6 thông số:

ECG, Nhịp thở, SpO2/ nhịp tim, NIBP, Nhiệt độ, IBP. Phụ kiện gồm:

- Dây nguồn: 1 cái
- Cáp điện tim ECG/Resp: 1 sợi
- Túi điện cực tim: 1 túi
- Cáp nối đo Sp
- Sensor đo SpO2 dạng kẹp ngón: 1 cái
- Ống đo NIBP cho người lớn/trẻ em: 1 cái
- Bao đo NIBP cho người lớn sử dụng nhiều lần: 1 cái
- Bao đo NIBP cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 1 cái
- Giấy in nhiệt: 1 xấp
- Máy in nhiệt 3 kênh (gắn trong máy) : 1 cái
- Pin sạc: 1 cái
- Cáp nối huyết áp xâm lấn (IBP): 1 cái
- Bộ kit đo huyết áp xâm lấn (IBP) : 1 cái

- Sách hướng dẫn sử dụng và bảo trì (tiếng Anh + tiếng Việt) : 1 bộ C. Chỉ tiêu kỹ thuật: Các thông số đo: Máy theo dõi các thông số: ECG, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhiệt độ Màn hình:
- Kích thước: ≥ 12.0 inch, vận hành cảm ứng
- Chế độ hiển thị sóng: đứng yên và chuyển động
- Độ phân giải: $\geq (800 \times 600)$ dots
- Số dạng sóng: ≥ 14 - Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25 mm/s, 50mm/s,
- Thời gian quét: ≤ 6.5 giây Âm thanh:
- Loại âm thanh: Báo động, đồng bộ (HR, SpO2), click
- Âm thanh báo động: Có Báo động:
- Giới hạn trên / dưới, ngưng thở, rối loạn nhịp, đầu nổi bị rơi, nhiễu, điện cực bị rơi, đầu dò bị rơi, kiểm tra túi hơi, kiểm tra sensor, pin yếu, môi trường sử dụng.
- Loại Báo động: 03 loại khác nhau
- Chỉ thị báo động: Tối thiểu có đèn và âm báo
- Tạm ngừng báo động: Có cài đặt Đồ thị diễn tiến:
- Khả năng lưu trữ: ≥ 72 giờ
- Có thể lựa chọn các thông số cho 3 cửa sổ đồ họa riêng biệt. Danh sách thông số sinh tồn:
- Khả năng lưu trữ:
- Dữ liệu sinh tồn: ≥ 72 giờ
- Danh sách NIBP: ≥ 1000 file
- Danh sách đo theo chu kỳ: 1, 5, 10, 15, 30 hoặc 60 phút
- Danh sách khoảng cách đo NIBP: mỗi lần đo NIBP Recall: Có Lưu báo động: Có ST Recall: Có Thông số ECG:
- Cấp đo: Loại 3 điện cực: I, II, III.
- Điện thế offset chấp nhận của điện cực: $\geq \pm 500\text{mV}$
- Hệ số chống nhiễu đồng pha (CMRR): $\geq 95\text{dB}$ - Bảo vệ ESU: có
- Độ nhạy ghi điện tim: $10 \text{ mm/mV} \pm 5\%$ - Đếm nhịp tim: Có
- Phương pháp đếm nhịp tim: Trung bình chuyển động/ nhịp tức thời
- Báo động nhịp tim: Có
- Phân tích loạn nhịp: có
- Phương pháp phân tích loạn nhịp: kết nối đa mẫu
- Số kênh: ≥ 2 kênh
- Thông báo phân loại nhịp: nhiễu, kiểm tra điện cực.
- Báo động loạn nhịp: Có Thông số nhịp thở:
- Phương pháp đo: đo trở kháng - Chuyển đạo đo: R-F hay R-L
- Phạm vi đo điện trở: $220 - \geq 4\text{kW}$
- Nhiễu trong: $\leq 0.1\text{W}$ - Dải đo: $0 - \geq 150$ nhịp / phút
- Độ chính xác: $\pm \leq 2$ nhịp / phút
- Báo động: Có
- Thông số kỹ thuật SpO2
- Chu kỳ cập nhật: mỗi 3 giây, hoặc khi báo động phát ra
- Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50mm/s
- Độ nhạy sóng hiển thị: $\times 1/8, \times 1/4, \times 1/2, \times 1, \times 2, \times 4, \times 8$ hoặc tự động Đo SpO2:
- Phương pháp đo: hấp thụ hai bước sóng ánh sáng
- Dải hiển thị: $0 - 100\%$ SpO2 - Độ chính xác khoảng: $\pm 3\%$ SpO2 ($70 - 80\%$ SpO2); $\pm 2\%$ SpO2 ($80 - 100\%$ SpO2) - Báo động: Có Đo xung nhịp:
- Dải hiển thị: $\leq 30 - 300$ nhịp/ phút
- Độ chính xác khoảng: $\pm 3\%, \pm 1$ nhịp/ phút Thông số kỹ thuật huyết áp không xâm nhập(NIBP)
- Phương pháp đo: Đo dao động
- Dải đo: $0 - \geq 300\text{mmHg}$

- Độ chính xác khoảng: $\leq \pm 3\text{mmHg}$
- Thời gian đo qui định: Trẻ sơ sinh: 20 giây, trẻ nhỏ: 25 giây, người lớn: 30 giây
- Giới hạn thời gian đo: có
- Chế độ hoạt động: bằng tay, STAT (≤ 15 phút), chu kỳ, PWTT và SIM
- Tự động đo lại: 1 lần
- Rò rỉ khí: $\leq 3\text{ mmHg/phút}$
- Mục hiển thị: tâm thu (SYS), tâm trương (DIA), trung bình (MAP), áp suất bao đo trong quá trình đo NIBP, delta PWTT
- Chu kỳ cập nhật hiển thị: cập nhật mỗi lần đo
- Âm báo đo xong: tự phát khi kết thúc đo (tùy thuộc cài đặt).
- Giới hạn báo động: có Thông số kỹ thuật huyết áp xâm nhập (IBP)
- Dải cân bằng zero tự động: $\pm 200\text{ mmHg}$
- Độ chính xác cân bằng zero tự động: $\pm 1\text{ mmHg}$
- Dải đo: -50 đến 300 mmHg
- Độ chính xác: + 50 đến < 100 mmHg: $\pm 1\text{ mmHg}$ ± 1 chữ số + 100 đến 300 mmHg: $1\% \pm 1$ chữ số
- Chu kỳ cập nhật hiển thị: mỗi 3 giây, hoặc khi có báo động - Báo động: Có
- Nhịp xung: + Dải đếm xung mạch: 0, 30 - 300 nhịp/phút + Hiển thị: 0 - 300 nhịp/phút Thông số kỹ thuật nhiệt độ:
- Số kênh đo: 2 kênh - Dải đo: 0 - 45 độ C
- Độ chính xác khoảng: $\leq \pm 0.1$ độ C (25 - 45°C)
- Độ lệch nhiệt độ: Trong khoảng ± 0.005 độ C/1°C
- Dải hiển thị: 0 - 45 độ C
- Chu kỳ cập nhật hiển thị: Mỗi 3 giây hoặc khi có báo động
- Thời gian tri hoãn đáp ứng từ đầu dò đến hiển thị trên monitor: ≤ 6 giây
- Giới hạn báo động: có Máy in nhiệt
- Phương pháp ghi: ma trận nhiệt
- Số kênh: ≥ 3 - Chế độ ghi: tự động, bằng tay
- Độ rộng ghi: $\geq 46\text{ mm}$
- Tốc độ giấy: 12.5, 25, 50 mm/s Pin sạc - Số khe cắm pin: 01
- Kiểu pin: Ni-MH - Tuổi thọ: 1 năm hoặc 200 lần nạp/ xả
- Thời gian hoạt động: xấp xỉ 90 phút khi được sạc đầy
- Điện áp khoảng: 9 V
- Dòng sạc: $360\text{ mA} \pm 50\text{ mA}$
- Biểu thị trạng thái pin: đèn báo pin trên bảng điều khiển, thông báo trên màn hình và âm báo động, đèn cảnh báo.
- Thời gian sạc: ≤ 10 giờ (khi theo dõi) ≤ 2 giờ (khi không theo dõi)

Máy

YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại đơn vị sử dụng cuối cùng.
- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu khác.
- Bảo hành 12 tháng.
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 8 năm sau bán hàng.

5. MÁY LASER CO2

YÊU CẦU CẤU HÌNH

Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất năm 2025 trở về sau
 Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
 Thiết bị chính đạt chứng chỉ CE hoặc FDA hoặc tương đương

Nguồn điện sử dụng: 220V/380V - 50 Hz

Yêu cầu xuất xứ máy chính: Nhóm G20

01 máy chính

Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm

Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

YÊU CẦU KỸ THUẬT

Chế độ:

+ Chế độ sóng liên tục

+ Chế độ Ultra Pulse

Thông số kỹ thuật:

Nguồn Laser: Ống thủy tinh CO₂ hoặc tương đương

Bước sóng: $\geq 10,600\text{nm}$

Đầu ra tối đa: $\geq 30\text{W}$

Ultra Pulse:

+ Tần số: $\leq 10 \sim \geq 1,000\text{ Hz}$

+ Thời lượng: $\leq 100 \sim \geq 2,000\mu\text{s}$

YÊU CẦU KHÁC

- Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại đơn vị sử dụng cuối cùng.
- Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu khác.
- Bảo hành 12 tháng.
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 8 năm sau bán hàng.